



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023  
(đã được kiểm toán)

# CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

---

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 35
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 35

TRẮC  
HÃN  
DÂN

## **BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Lưới thép Bình Tây, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP theo quyết định số 225/2003/QĐ-BCN ngày 19 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303357746 (số cũ 4103002435), đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2004 và đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 15 ngày 06 tháng 08 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hà Minh Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2023
Ông Lê Xuân Anh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2023
Ông Lê Hải Tú	Thành viên	
Ông Nguyễn Hồng Lương	Thành viên	
Bà Lê Thị Kim Chính	Thành viên	
Bà Trương Thị Tuyết	Thành viên	

Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là ông Lê Hải Tú.

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Huỳnh Thị Tuyết Trâm	Trưởng ban	
Bà Bùi Thị Thu Nga	Thành viên	
Ông Quách Vĩnh Trân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2023
Bà Trịnh Thị Mai Phượng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2023

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

## CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Tổng Giám đốc



Lê Hải Tú

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây được lập ngày 05 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc về Thuyết minh số 30 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Theo đó, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành quyết định thu hồi 02 khu đất đang cho Công ty thuê trả tiền hàng năm tại số 792, Đường Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6 và số 165/5 Đường Nguyễn Văn Luông, phường 10, quận 6. Trong đó, khu đất tại số 165/5, Đường Nguyễn Văn Luông, phường 10, quận 6 đang được Công ty dùng làm tài sản hợp tác trong hợp đồng hợp tác đầu tư dự án Chung cư Sông Hồng - Bình Tây, do khu đất này bị thu hồi nên hợp đồng hợp tác có khả năng sẽ không thực hiện được. Hiện nay, các bên tham gia vẫn chưa thống nhất phương thức xử lý hợp đồng hợp tác đã ký kết cũng như các vấn đề có liên quan.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2024*

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Phó Tổng Giám đốc**



**Ngô Minh Quý**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

**Kiểm toán viên**

**Đào Trung Thành**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2024-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>24.469.805.083</b>	<b>21.070.846.570</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	03	<b>6.571.476.750</b>	<b>5.388.797.250</b>
111	1. Tiền		6.571.476.750	5.388.797.250
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.461.199.575</b>	<b>2.462.709.561</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	2.082.797.505	2.410.302.353
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	353.900.378	36.342.482
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		24.501.692	19.162.041
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(3.097.315)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	06	<b>15.303.752.964</b>	<b>13.219.339.759</b>
141	1. Hàng tồn kho		15.303.752.964	13.219.339.759
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>133.375.794</b>	-
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	133.375.794	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>8.051.602.714</b>	<b>9.526.154.807</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>7.670.976.998</b>	<b>8.905.079.294</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	7.670.976.998	8.905.079.294
222	- Nguyên giá		46.143.715.854	46.143.715.854
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38.472.738.856)	(37.238.636.560)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	8	-	-
231	- Nguyên giá		1.513.318.687	1.513.318.687
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.513.318.687)	(1.513.318.687)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>380.625.716</b>	<b>621.075.513</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	380.625.716	621.075.513
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>32.521.407.797</b>	<b>30.597.001.377</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>4.645.140.072</b>	<b>4.549.902.002</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>4.404.140.072</b>	<b>4.549.902.002</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	115.093.231	69.630.764
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	92.070.829	112.557.244
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	243.744.928	306.631.562
314	4. Phải trả người lao động		1.653.932.825	1.273.119.213
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	60.000.000	55.000.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	2.199.874.636	2.625.690.520
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		39.423.623	107.272.699
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>241.000.000</b>	-
337	1. Phải trả dài hạn khác		241.000.000	-
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>27.876.267.725</b>	<b>26.047.099.375</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	<b>27.876.267.725</b>	<b>26.047.099.375</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		19.654.400.000	19.654.400.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		19.654.400.000	19.654.400.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.681.066.443	3.681.066.443
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.540.801.282	2.711.632.932
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.560.747.008	825.558.894
421b	LNST chưa phân phối năm nay		1.980.054.274	1.886.074.038
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>32.521.407.797</b>	<b>30.597.001.377</b>

Người lập

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Tổng Giám đốc

Lê Thị Phương Dung

Lê Thị Phương Dung



Lê Hải Tú



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2023


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	(Trình bày lại) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	84.704.528.915	108.743.362.606
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		84.704.528.915	108.743.362.606
11	4. Giá vốn hàng bán	19	76.852.799.216	101.172.679.384
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.851.729.699	7.570.683.222
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	6.799.771	9.058.380
22	7. Chi phí tài chính	21	58.053.651	85.350.481
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		58.053.651	85.350.481
25	8. Chi phí bán hàng	22	237.438.200	278.817.115
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	4.894.893.055	4.856.589.938
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.668.144.564	2.358.984.068
31	11. Thu nhập khác		59.202	39.587.285
32	12. Chi phí khác	24	58.810.550	2.518.412
40	13. Lợi nhuận khác		(58.751.348)	37.068.873
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.609.393.216	2.396.052.941
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	629.338.942	509.978.903
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.980.054.274	1.886.074.038
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	1.007	883

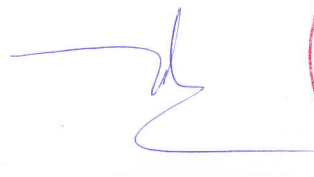
Người lập

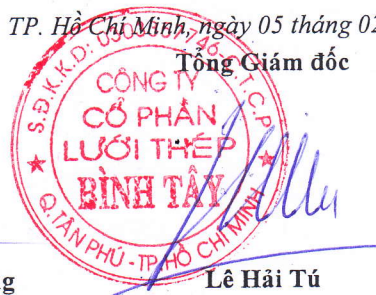
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Tổng Giám đốc

  
Lê Thị Phương Dung

  
Lê Thị Phương Dung

  
Lê Hải Tú

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.609.393.216	2.396.052.941
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.234.102.296	1.669.654.111
03	- Các khoản dự phòng		(3.097.315)	(38.584.797)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(17.949)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.798.795)	(9.040.431)
06	- Chi phí lãi vay		58.053.651	85.350.481
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.891.653.053	4.103.414.356
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(128.768.493)	421.834.441
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.084.413.205)	1.744.953.664
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		309.919.185	(227.098.954)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		240.449.797	33.207.576
14	- Tiền lãi vay đã trả		(58.053.651)	(89.262.810)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(563.790.709)	(550.003.855)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(218.735.000)	(237.466.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.388.260.977	5.199.578.418
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.798.795	9.040.431
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.798.795	9.040.431
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		13.551.259.324	14.961.485.469
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(13.551.259.324)	(19.161.485.469)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(212.380.272)	(3.683.105.700)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(212.380.272)	(7.883.105.700)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.182.679.500	(2.674.486.851)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.388.797.250	8.063.266.152
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	17.949
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>6.571.476.750</u>	<u>5.388.797.250</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Người lập

Lê Thị Phương Dung

Kế toán trưởng

Lê Thị Phương Dung

Tổng Giám đốc



Lê Hải Tú

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Năm 2023

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Lưới thép Bình Tây, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP theo quyết định số 225/2003/QĐ-BCN ngày 19 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303357746 (số cũ 4103002435), đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2004 và đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 15 ngày 06 tháng 08 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 19.654.400.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 19.654.400.000 VND; tương đương 1.965.440 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 68 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 73 người).

##### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh lưới thép

##### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sắt, thép, gang. Chi tiết: sản xuất sắt thép (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý. Chi tiết: sản xuất kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: mua bán sắt thép, kim loại màu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết mua bán vật liệu xây dựng.

##### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2023, kinh tế trong nước tăng trưởng chậm, các ngân hàng siết chặt tín dụng làm cho thị trường bất động sản đóng băng khiến cho việc tiêu thụ thép giảm mạnh và gặp nhiều khó khăn. Những tác động nói trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, làm cho Doanh thu về bán hàng năm 2023 đạt 84,7 tỷ VND, giảm 24,04 tỷ VND (tương đương mức giảm 22,11%) so với năm trước. Giá vốn hàng bán đạt 76,85 tỷ VND, giảm 24,32 tỷ VND (tương đương mức giảm 24,94%) so với năm trước. Tuy nhiên, vào thời điểm cuối năm 2023, tình hình ngành thép có dấu hiệu tích cực, giá bán ra tăng dần về thời điểm cuối năm dẫn tới Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2023 tăng 281,05 triệu đồng (tương đương mức tăng 3,71%).

##### Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Đồng Nai - Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh lưới thép
Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	Sản xuất kinh doanh thép

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

### 2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.



**2.5 . Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*

## Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**2.7 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

11170  
ÔNG T  
NHIỆM H  
KIỂM H  
AS  
TIỆM

**2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	8 năm

**2.11 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 50 năm

**2.12 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.13 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty là: Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.

**2.14 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**2.15 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

**2.16 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.





**2.17 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.18 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và Bộ chứng khoán Việt Nam.

**2.19 . Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.20 . Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, vật tư xuất bán cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

## a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

## b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN

**2.23 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.24 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.25 . Thông tin bộ phận**

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh lưới thép trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**3 . TIỀN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	139.700.933	50.729.572
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.431.775.817	5.338.067.678
	<b>6.571.476.750</b>	<b>5.388.797.250</b>

## 4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>398.256.885</b>	-	<b>680.741.858</b>	-
- Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vinal - VNSTEEL	341.496.897	-	680.741.858	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	22.259.989	-	-	-
- Công ty TNHH Nippovina	34.499.999	-	-	-
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>1.684.540.620</b>	-	<b>1.729.560.495</b>	<b>(3.097.315)</b>
- Công ty TNHH Tân Thành - Gò Công	148.587.454	-	576.940.425	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Vĩnh Tường	376.921.941	-	355.765.559	-
- Công ty TNHH Tân Phú Hòa	185.238.003	-	323.637.706	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Trương Hoàng Phúc	321.639.926	-	56.494.900	-
- Cơ sở kinh doanh Hướng Hà	196.014.285	-	-	-
- Nguyễn Hữu Tâm	155.038.796	-	190.075.635	-
- Các khách hàng khác	301.100.215	-	226.646.270	(3.097.315)
	<b>2.082.797.505</b>	-	<b>2.410.302.353</b>	<b>(3.097.315)</b>

## 5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần TV và XD Môi trường Đại Dương Xanh	316.580.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân	-	-	6.092.482	-
- Các khách hàng khác	37.320.378	-	30.250.000	-
	<b>353.900.378</b>	-	<b>36.342.482</b>	-

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.107.039.126	-	7.073.269.522	-
Công cụ, dụng cụ	8.692.207	-	9.317.546	-
Thành phẩm	8.188.021.631	-	6.136.752.691	-
	<b>15.303.752.964</b>	<b>-</b>	<b>13.219.339.759</b>	<b>-</b>

**7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	17.390.600.862	24.523.028.546	4.035.883.719	194.202.727	46.143.715.854
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.390.600.862</b>	<b>24.523.028.546</b>	<b>4.035.883.719</b>	<b>194.202.727</b>	<b>46.143.715.854</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	10.036.553.435	23.321.760.985	3.783.693.493	96.628.647	37.238.636.560
- Khấu hao trong năm	623.711.467	443.450.443	148.915.050	18.025.336	1.234.102.296
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.660.264.902</b>	<b>23.765.211.428</b>	<b>3.932.608.543</b>	<b>114.653.983</b>	<b>38.472.738.856</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	7.354.047.427	1.201.267.561	252.190.226	97.574.080	8.905.079.294
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>6.730.335.960</b>	<b>757.817.118</b>	<b>103.275.176</b>	<b>79.548.744</b>	<b>7.670.976.998</b>

Trong đó

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.889.127.610 VND

**8 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ****Bất động sản đầu tư cho thuê**

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động là Nhà giới thiệu sản phẩm và Nhà xưởng có Nguyên giá và Hao mòn lũy kế tại 31/12/2023 là 1.513.318.687 VND. Trong năm, Doanh thu phát sinh từ Bất động sản đầu tư là 5.426.863.635 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản	380.625.716	621.075.513
	<b>380.625.716</b>	<b>621.075.513</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY**

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**10 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	-	13.551.259.324	13.551.259.324	-	-
	-	-	<b>13.551.259.324</b>	<b>13.551.259.324</b>	-	-

## 11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>5.435.230</b>	<b>5.435.230</b>	-	-
- Công ty TNHH Nippovina	5.435.230	5.435.230	-	-
<b>Bên khác</b>	<b>109.658.001</b>	<b>109.658.001</b>	<b>69.630.764</b>	<b>69.630.764</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	88.658.001	88.658.001	64.839.892	64.839.892
- Các khách hàng khác	21.000.000	21.000.000	4.790.872	4.790.872
	<b>115.093.231</b>	<b>115.093.231</b>	<b>69.630.764</b>	<b>69.630.764</b>

## 12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Xây dựng Thể thao Tín Nghĩa	138.085	-	24.855.811	-
- Khách bán lẻ	48.000.004	-	48.000.000	-
- Công ty TNHH Nam Phát	4.996.581	-	4.996.566	-
- Các khách hàng khác	38.936.159	-	34.704.867	-
	<b>92.070.829</b>	<b>-</b>	<b>112.557.244</b>	<b>-</b>

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	218.836.966	2.138.808.494	2.272.129.151	133.375.794	85.516.309
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	87.794.596	629.338.942	563.790.709	-	153.342.829
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	178.702.084	178.702.084	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	4.867.766.377	4.867.766.377	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.885.790	-	-	4.885.790
	-	<b>306.631.562</b>	<b>7.824.501.687</b>	<b>7.887.388.321</b>	<b>133.375.794</b>	<b>243.744.928</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí phải trả liên quan hoạt động kinh doanh	60.000.000	55.000.000
	<b>60.000.000</b>	<b>55.000.000</b>

**15 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.942.838.241	2.155.218.513
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	94.100.000	194.100.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	162.936.395	276.372.007
	<b>2.199.874.636</b>	<b>2.625.690.520</b>



**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	<b>19.654.400.000</b>	<b>3.681.066.443</b>	<b>5.088.850.536</b>	<b>28.424.316.979</b>
Lãi trong năm trước	-	-	1.886.074.038	1.886.074.038
Chi trả cổ tức năm 2021	-	-	(3.930.880.000)	(3.930.880.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng	-	-	(166.205.821)	(166.205.821)
Trích lập Quỹ phúc lợi	-	-	(166.205.821)	(166.205.821)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>19.654.400.000</b>	<b>3.681.066.443</b>	<b>2.711.632.932</b>	<b>26.047.099.375</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>	<b>19.654.400.000</b>	<b>3.681.066.443</b>	<b>2.711.632.932</b>	<b>26.047.099.375</b>
Lãi trong năm nay	-	-	1.980.054.274	1.980.054.274
Trích lập Quỹ khen thưởng (*)	-	-	(75.442.962)	(75.442.962)
Trích lập Quỹ phúc lợi (*)	-	-	(75.442.962)	(75.442.962)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	<b>19.654.400.000</b>	<b>3.681.066.443</b>	<b>4.540.801.282</b>	<b>27.876.267.725</b>



(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 21/VDT/ĐHĐCĐ ngày 31/03/2023, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100,00	1.886.074.038
Trích lập Quỹ khen thưởng	4,00	75.442.962
Trích lập Quỹ phúc lợi	4,00	75.442.962
Lợi nhuận còn lại năm 2022 chưa phân phối	92,00	1.735.188.114

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ %	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần	40,06	7.874.500.000	40,06	7.874.500.000
- Các cổ đông khác	59,94	11.779.900.000	59,94	11.779.900.000
	<b>100</b>	<b>19.654.400.000</b>	<b>100</b>	<b>19.654.400.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	19.654.400.000	19.654.400.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	19.654.400.000	19.654.400.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	2.155.218.513	1.907.444.213
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	3.930.880.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	-	3.930.880.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(212.380.272)	(3.683.105.700)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	(212.380.272)	(3.683.105.700)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<b>1.942.838.241</b>	<b>2.155.218.513</b>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.965.440	1.965.440
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.965.440	1.965.440
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.965.440	1.965.440

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phần.

## e) Các quỹ của công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.681.066.443	3.681.066.443
	<b>3.681.066.443</b>	<b>3.681.066.443</b>

## 17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

## a) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê đất và thuê kho xưởng như sau:

- Công ty thuê đất tại số 165/5, đường Nguyễn Văn Luông, phường 10, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích thuê là 4.082 m<sup>2</sup> với mục đích cho thuê. Công ty trả tiền thuê đất hàng năm theo Thông báo nộp tiền thuê đất của Chi Cục thuế quận 6.
- Công ty thuê đất tại số 792, đường Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích thuê là 1.060,2 m<sup>2</sup> với mục đích cho thuê. Công ty trả tiền thuê đất hàng năm theo Thông báo nộp tiền thuê đất của Chi Cục thuế quận 6.
- Hợp đồng thuê đất tại số 117, đường Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích thuê là 13.016 m<sup>2</sup> với mục đích làm trụ sở và cho thuê. Công ty trả tiền thuê đất hàng năm theo Thông báo nộp tiền thuê đất của Chi Cục thuế quận 6.
- Hợp đồng thuê đất tại lô số 7, đường 5C, khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích thuê là 22.690 m<sup>2</sup> sử dụng với mục đích làm nhà kho và cho thuê. Thời hạn thuê đất là 42 năm, từ ngày 28/10/2005 đến hết ngày 28/10/2047. Tiền thuê đất trả trong năm là 607.901.041 VND.
- Hợp đồng thuê kho xưởng tại lô D1-29 và D1-30, đường VL 2, khu công nghiệp Vĩnh Lộc Bến Lức, ấp Voi Lá, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An với tổng diện tích thuê là 1.440 m<sup>2</sup> sử dụng với mục đích làm nhà xưởng. Thời hạn thuê đất từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2023. Tiền thuê nhà xưởng trả trong năm là 589.090.908 VND.

## b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
- Đô la Mỹ (USD)	-	10,91

## 18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	78.078.897.822	102.896.868.712
Doanh thu cho thuê mặt bằng	6.149.628.093	5.148.814.894
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	476.003.000	697.679.000
	<b>84.704.528.915</b>	<b>108.743.362.606</b>
<b>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>3.570.326.639</b>	<b>3.937.726.741</b>

Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 32.

**19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	71.465.364.916	97.254.598.232
Giá vốn cho thuê mặt bằng	4.911.431.300	3.220.402.152
Giá vốn vật tư, phế liệu đã bán	476.003.000	697.679.000
	<b>76.852.799.216</b>	<b>101.172.679.384</b>
<b>Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan</b> <i>Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 32.</i>	<b>6.608.963.557</b>	<b>12.933.626.444</b>

**20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	6.798.795	9.040.431
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	976	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	17.949
	<b>6.799.771</b>	<b>9.058.380</b>

**21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	58.053.651	85.350.481
	<b>58.053.651</b>	<b>85.350.481</b>

**22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	233.808.069	274.247.857
Chi phí khác bằng tiền	3.630.131	4.569.258
	<b>237.438.200</b>	<b>278.817.115</b>

**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.910.859	145.873.248
Chi phí nhân công	2.934.735.163	2.841.807.657
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.728.669	147.803.437
Hoàn nhập dự phòng	(3.097.315)	(38.584.797)
Thuế, phí, lệ phí	152.776.406	173.122.195
Chi phí dịch vụ mua ngoài	705.373.509	483.666.041
Chi phí khác bằng tiền	958.465.764	1.102.902.157
	<b>4.894.893.055</b>	<b>4.856.589.938</b>

**24 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	58.755.153	-
Chi phí khác	55.397	2.518.412
	<b>58.810.550</b>	<b>2.518.412</b>

**25 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	2.609.393.216	2.396.052.941
Các khoản điều chỉnh tăng	267.971.153	153.859.521
- Chi phí không hợp lý hợp lệ	105.971.153	153.859.521
- Thù lao thành viên quản lý không chuyên trách	162.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(17.949)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	(17.949)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	2.877.364.369	2.549.894.513
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)</b>	<b>575.472.874</b>	<b>509.978.903</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	53.866.068	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	87.794.596	127.819.548
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(563.790.709)	(550.003.855)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>153.342.829</b>	<b>87.794.596</b>

**26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.980.054.274	1.886.074.038
Các khoản điều chỉnh	-	(150.885.924)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	(150.885.924)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.980.054.274	1.735.188.114
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.965.440	1.965.440
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.007</b>	<b>883</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15a, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát từ Lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 4/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2023, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 trên báo cáo tài chính, cụ thể như sau:

	Năm 2022	
	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	1.886.074.038	1.886.074.038
Các khoản điều chỉnh	-	(150.885.924)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(150.885.924)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.886.074.038	1.735.188.114
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.965.440	1.965.440
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>960</b>	<b>883</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.319.597.241	81.893.679.716
Chi phí nhân công	11.354.784.750	11.330.236.405
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.234.102.296	1.669.654.111
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.435.261.786	8.915.945.163
Chi phí khác bằng tiền	1.695.750.653	2.084.065.867
	<b>84.039.496.726</b>	<b>105.893.581.262</b>

**28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.



**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Tiền	6.431.775.817	-	-	6.431.775.817
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.107.299.197	-	-	2.107.299.197
	<b>8.539.075.014</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>8.539.075.014</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền	5.338.067.678	-	-	5.338.067.678
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.429.464.394	-	-	2.429.464.394
	<b>7.767.532.072</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.767.532.072</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.314.967.867	-	-	2.314.967.867
Chi phí phải trả	60.000.000	-	-	60.000.000
	<b>2.374.967.867</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.374.967.867</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.695.321.284	-	-	2.695.321.284
Chi phí phải trả	55.000.000	-	-	55.000.000
	<b>2.750.321.284</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.750.321.284</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****a) Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>a) Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	13.551.259.324	14.961.485.469
<b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	13.551.259.324	19.161.485.469

**30 . THÔNG TIN KHÁC****a) Tình trạng các khu đất Công ty thuê đang bị Nhà nước yêu cầu thu hồi**

Ngày 11/05/2018, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 1996/QĐ-UBND thu hồi 02 khu đất do Công ty thuê sử dụng theo Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 02/03/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố với lý do đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn, cụ thể như sau:

- Khu đất tại số 165/5, Đường Nguyễn Văn Luông, Phường 10, Quận 6: diện tích 4.082 m<sup>2</sup>, thuộc một phần Thửa số 15, Tờ bản đồ số 29, Bộ địa chính Phường 10, Quận 6.
- Khu đất tại số 792, đường Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6: diện tích 1.060,2 m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa số 33 và một phần đường, tờ bản đồ số 6, bộ địa chính phường 7, quận 6.

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao Trung tâm Phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, quản lý 02 khu đất thu hồi nêu trên để thực hiện bán đấu giá theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời, phối hợp với các sở ban ngành, đơn vị liên quan, lập phương án hỗ trợ, di dời tài sản trên đất (nếu có) theo quy định.

Ngày 17/05/2018, Công ty làm Đơn cứu xét số 68/VDT gửi Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố không thu hồi lại 02 khu đất và cho phép Công ty tiếp tục được thực hiện dự án hợp tác đầu tư tại Khu đất số 165/5, Đường Nguyễn Văn Luông, Phường 10, Quận 6 (*Xem thông tin chi tiết về dự án trình bày tại phần b thuyết minh này*). Đồng thời, Công ty cũng kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét chuyển đổi mục đích sử dụng Khu đất số 117 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú (*khu đất này không bị thu hồi, xem thông tin chi tiết về dự án trình bày tại phần c thuyết minh này*).

Ngày 08/06/2018, Văn phòng Ủy ban nhân dân ra Công văn số 6265/VP-ĐT chuyển đơn cứu xét nêu trên cho Sở Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, thực hiện theo quy định.

Ngày 11/06/2018, Trung tâm Phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Công văn số 499/PTQĐ-THĐ yêu cầu Công ty bàn giao 02 khu đất trước ngày 23/06/2018.

Theo Công văn số 76/CV-VDT ngày 13/06/2018 và Công văn số 85/CV-VDT ngày 28/06/2018 gửi Trung tâm Phát triển quỹ đất, Công ty đề nghị Trung tâm và các đơn vị liên quan xác định giá trị tài sản trên đất tại 02 khu đất trên hiện trạng để bồi thường, hỗ trợ di dời và bàn giao 02 khu đất trên nhằm đảm bảo quyền lợi của Công ty, cụ thể như sau:

- *Tại khu đất số 165/5 Đường Nguyễn Văn Luông, Phường 10, Quận 6 gồm:*

- + Nhà văn phòng 1 lầu đúc, diện tích sàn xây dựng: 128 m<sup>2</sup>;
- + Nhà xưởng tường gạch, kèo thép, mái tôn, nền bê tông, diện tích: 2.973,2 m<sup>2</sup>;

Khối tài sản trên đã được Công ty thực hiện thanh lý theo Biên bản thanh lý tài sản cố định ngày 30/12/2009 với nguyên giá đã khấu hao hết là 1.468.000.000 VND để chuẩn bị mặt bằng bàn giao theo Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án Chung cư Sông Hồng - Bình Tây.



- *Tại khu đất số 792 Đường Phạm Văn Chí, Phường 7, Quận 6 gồm:*

+ Nhà văn phòng 1 lầu đúc, mái tôn, diện tích sàn xây dựng: 120 m<sup>2</sup>;

+ Nhà xưởng tường gạch, kèo thép, mái tôn, nền bê tông, diện tích: 1.060,2 m<sup>2</sup>;

Các tài sản này thuộc nhóm bất động sản đầu tư với nguyên giá đã khấu hao hết là 529.200.000 VND, hiện đang được Công ty cho thuê hoạt động (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 8).

Để trả lời cho vấn đề này, Trung tâm Phát triển quỹ đất đã lần lượt ra các Công văn số 548/PTQĐ-THĐ ngày 22/06/2018, Công văn số 603/PTQĐ-THĐ ngày 12/07/2018 và Công văn số 781/PTQĐ-THĐ ngày 10/09/2018. Theo các Công văn này, Trung tâm Phát triển quỹ đất trả lời khẳng định tài sản trên đất của 02 khu đất nêu trên không thuộc diện được bồi thường, không có cơ sở xem xét tính bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, bồi thường tài sản gắn liền với đất đối với 02 khu đất nêu trên. Công ty chỉ được hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời tài sản của Công ty còn lại trên khu đất. Về việc hỗ trợ chi phí di dời tài sản trên đất, Trung tâm đề nghị Công ty lập phương án di dời và dự toán chi phí di dời gửi về Trung tâm trước ngày 18/09/2018 để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời yêu cầu Công ty phải bàn giao 02 khu đất cho Trung tâm trước ngày 23/06/2018.

Ngày 01/11/2019, Công ty ra Công văn số 95/CV-VDT gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 11/05/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và cho phép Công ty tiếp tục được thực hiện dự án tại số 165/5 Đường Nguyễn Văn Luông, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bên cạnh đó, Công ty cũng ra các Công văn số 93/CV-VDT ngày 31/07/2018 và Công văn số 102/CV-VDT ngày 18/11/2019 gửi Trung tâm Phát triển quỹ đất, trong đó khẳng định Công ty chấp hành Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 11/05/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (tuy nhiên, Công ty đang xin cứu xét về quyết định này theo Đơn cứu xét số 68/VDT gửi Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đang chờ Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét trả lời). Ngoài ra, việc xác định giá trị đền bù, hỗ trợ tài sản trên đất phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định, Công ty không có chức năng để tự xác định được. Do đó, Công ty chưa có căn cứ để thực hiện theo nội dung của Công văn số 781/PTQĐ-THĐ ngày 10/09/2018 của Trung tâm.

Hiện tại, Công ty vẫn chưa bàn giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất và đang tiếp tục làm việc với Trung tâm Phát triển Quỹ đất về vấn đề hỗ trợ tài sản trên đất nêu trên, đồng thời, Công ty vẫn tiếp tục nộp tiền thuê đất theo thông báo nộp tiền thuê đất hàng năm (Xem thêm tại Thuyết minh số 17a).

#### **b) Hợp tác đầu tư dự án Chung cư Sông Hồng - Bình Tây**

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 113/HĐLD-2009 ngày 24/09/2009 giữa Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây, Tổng Công ty Sông Hồng và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng, các bên sẽ thành lập Công ty Cổ phần Sông Hồng - Bình Tây để xây dựng Chung cư Sông Hồng - Bình Tây. Theo đó, Công ty cam kết sẽ góp 25% trong tổng số vốn đầu tư của dự án là 40.000.000.000 VND bằng lợi thế sử dụng đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số 165/5 Đường Nguyễn Văn Luông, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Cũng theo Hợp đồng này, Công ty được 02 bên còn lại thanh toán tiền chuyển nhượng công trình (nhà xưởng), chi phí hỗ trợ, đền bù với số tiền là 5.000.000.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2019, Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án này có khả năng không thực hiện được do khu đất Công ty thuê của Nhà nước trả tiền hàng năm tại số 165/5, Đường Nguyễn Văn Luông, Phường 10, Quận 6 mà Công ty đang dùng làm tài sản hợp tác đã bị Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định thu hồi. (Xem thông tin về khu đất Công ty mang góp vốn tại phần a thuyết minh này).

Công ty đã gửi Công văn số 64, 65 và 66/TB-VDT ngày 17/05/2018 đến các bên tham gia hợp tác để thông báo về vấn đề thu hồi đất trên. Ngày 11/06/2019, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng đã gửi Công văn số 27/CV/CKSH/2019 đề nghị Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây hoàn trả lại số tiền hỗ trợ di dời, bàn giao mặt bằng đã nhận từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2009 là 5.000.000.000 VND căn cứ vào điều khoản quy định trong hợp đồng: Trường hợp Dự án không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và Doanh nghiệp liên doanh không thực hiện được mục đích liên doanh vì lý do khách quan thì các bên liên doanh hoàn trả lại những gì đã nhận.

Đáp lại công văn trên, Công ty ra Công văn số 54/CV-VDT ngày 14/06/2019 gửi Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng với nội dung không có cơ sở để thực hiện việc hoàn trả tiền hỗ trợ di dời đền bù vì việc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định thu hồi đất không phải là do khách quan mà là do chủ quan vì các bên tham gia liên doanh chậm trễ trong việc triển khai dự án dẫn đến bị Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định thu hồi đất nên không phù hợp với lý do hoàn trả tiền trong điều khoản của hợp đồng liên doanh.

Hiện nay, các bên tham gia vẫn chưa tiến hành hợp và thống nhất xử lý hợp đồng đã ký kết và các vấn đề liên quan.

**c) Hợp tác đầu tư dự án Khu phức hợp Trung tâm Thương mại - Chung cư Steel Cali**

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT ngày 02/07/2011 và Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 130/2014/PLHTĐT ngày 30/12/2014 giữa Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng nhà Thảo Loan và Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kinh doanh nhà Thảo Loan, các bên sẽ thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Bình Tây - Thảo Loan để xây dựng dự án Khu phức hợp Trung tâm thương mại - Chung cư Steel Cali tại Số 117 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty cam kết góp 30% trong tổng vốn đầu tư dự án là 200.000.000.000 VND bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số 117 Đường Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 07/10/2014, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Công văn số 5124/UBND-ĐTMT công nhận Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Bình Tây - Thảo Loan làm chủ đầu tư Dự án Trung tâm thương mại - Chung cư Steel Cali tại địa chỉ Số 117 Âu Cơ, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đang thực hiện các thủ tục để chuyển đổi mục đích sử dụng lô đất, trong thời gian chờ đợi hoàn tất thủ tục Công ty vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng khu đất và trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước theo Hợp đồng thuê đất đã ký.

**31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

## 32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần
Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần
Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần
Công ty TNHH Nippovina	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>3.570.326.639</b>	<b>3.937.726.741</b>
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	18.602.725	38.317.265
- Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - VNSTEEL	2.562.109.343	3.229.562.949
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	64.779.982	101.312.725
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL	257.229.678	377.175.630
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	51.462.387	51.622.251
- Công ty TNHH Nippovina	616.142.524	139.735.921
<b>Mua hàng hóa, vật tư</b>	<b>6.608.963.557</b>	<b>12.933.626.444</b>
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - Công ty Cổ phần	48.000.000	48.000.000
- Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL	5.891.543.292	12.045.101.538
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL	-	15.291.200
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL	1.080.000	-
- Công ty TNHH Nippovina	668.340.265	825.233.706

**Thu nhập của người quản lý chủ chốt**

		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
- Ông Hà Minh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 31/03/2023)	36.000.000	36.000.000
- Ông Lê Xuân Anh	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 31/03/2023)	12.000.000	36.000.000
- Ông Nguyễn Hồng Lương	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
- Bà Lê Thị Kim Chính	Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
- Bà Trương Thị Tuyết	Thành viên HĐQT	36.000.000	27.000.000
- Ông Lê Hải Tú	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	765.885.828	766.723.455
- Bà Huỳnh Thị Tuyết Trâm	Trưởng ban kiểm soát	218.206.580	221.212.269
- Bà Bùi Thị Thu Nga	Thành viên BKS	313.186.970	306.659.821
- Ông Quách Vĩnh Trân	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 31/03/2023)	172.481.568	-
- Bà Lê Thị Phương Dung	Kế toán trưởng	360.350.031	365.904.252
- Bà Trịnh Thị Mai Phượng	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 31/03/2023)	6.000.000	24.000.000
- Ông Đoàn Phong	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 31/03/2022)	-	12.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Lê Thị Phương Dung

Lê Thị Phương Dung

Lê Hải Tú